CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
DN: C=VN, S=TỈNH QUẢNG NINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:5700100231
Reason: CBTT BC thuong nien 2024
Location: your signing location here
Date: 2025-04-16 17:00:03
Foxit Reader Version: 9.5.0

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Số: 215.../CQN-TK

V/v *công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2024*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: **- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Tên tổ chức	: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
Mã chứng khoán	: CQN
Địa chỉ trụ sở chính	: Số 1 đường Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại	: 0203 6283288
Website	: www.quangninhport.com.vn

Người thực hiện công bố thông tin : Ông Hoàng Trọng Tùng – Tổng giám đốc

Loại công bố thông tin: Định kỳ

1. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2024 *(Báo cáo thường niên năm 2024 kèm theo).*

2. Thông tin nói trên được Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh công bố trên website của Công ty: www.quangninhport.com.vn vào ngày 16/04/2025.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin nói trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH
TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Trọng Tùng

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

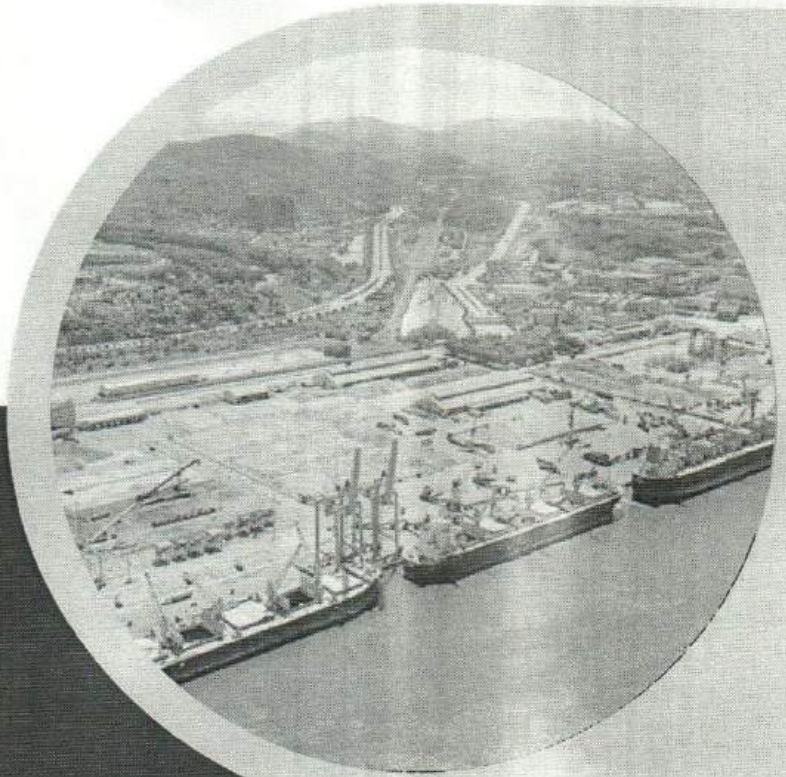

https://quangninhport.com.vn

2024

Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh
Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Số điện thoại: (84-02036) 283288
Website: http://quangninhport.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024

Quảng Ninh, tháng 04 năm 2025

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH 4
1. Thông tin khái quát 4
2. Quá trình hình thành và phát triển 4
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 5
4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 6
5. Định hướng phát triển 7
6. Các nhân tố rủi ro 8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 10
1. Tình hình sản xuất kinh doanh 10
2. Danh sách Ban điều hành và tóm tắt lý lịch 11
3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động 12
4. Tình hình tài chính 13
4.1 Tình hình tài chính 13
4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 13
5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 14
5.1 Cổ phần 14
5.2 Cơ cấu cổ đông 14
5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 14
5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ 15
5.5 Các chứng khoán khác 15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 15
6.1. Tiêu thụ năng lượng 15
6.2. Tiêu thụ nước 15
6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường 15
6.4. Chính sách liên quan đến người lao động 15
6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng 16
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 17
1.1 Chỉ tiêu SXKD 17
1.2 Chỉ tiêu tài chính 17
1.3 Kết quả công tác sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị và XDCB 18
2. Đánh giá 19
2.1. Đánh giá hoạt động kinh doanh cảng biển 19
2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất 19
3. Kế hoạch phát triển trong tương lai 20
3.1. Mục tiêu 20
3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD 21

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 23

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 23
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty 23
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 23

V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY: 24

1. Hội đồng quản trị 25
2. Ban kiểm soát 25
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng 26
4. Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: 27
5. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ 27
6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: 27

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY 28

1. Ý kiến kiểm toán 28
2. Báo cáo tài chính kiểm toán 28

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CTCP CẢNG QUẢNG NINH

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh (viết tắt là Cảng Quảng Ninh).
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 01/04/2008, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2021
- Vốn điều lệ: 750.499.360.000 đồng *(Bảy trăm năm mươi tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng)*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 979.075.620.875 đồng *(Chín trăm bảy mươi tỷ, không trăm bảy mươi năm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, tám trăm bảy mươi năm đồng)* tại thời điểm ngày 31/12/2024.
- Địa chỉ: Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
- Số điện thoại: (84-02036) 283288
- Website: http://quangninhport.com.vn
- Mã cổ phiếu: CQN

2. Quá trình hình thành và phát triển

Thành lập & Phát triển
Establish & Development

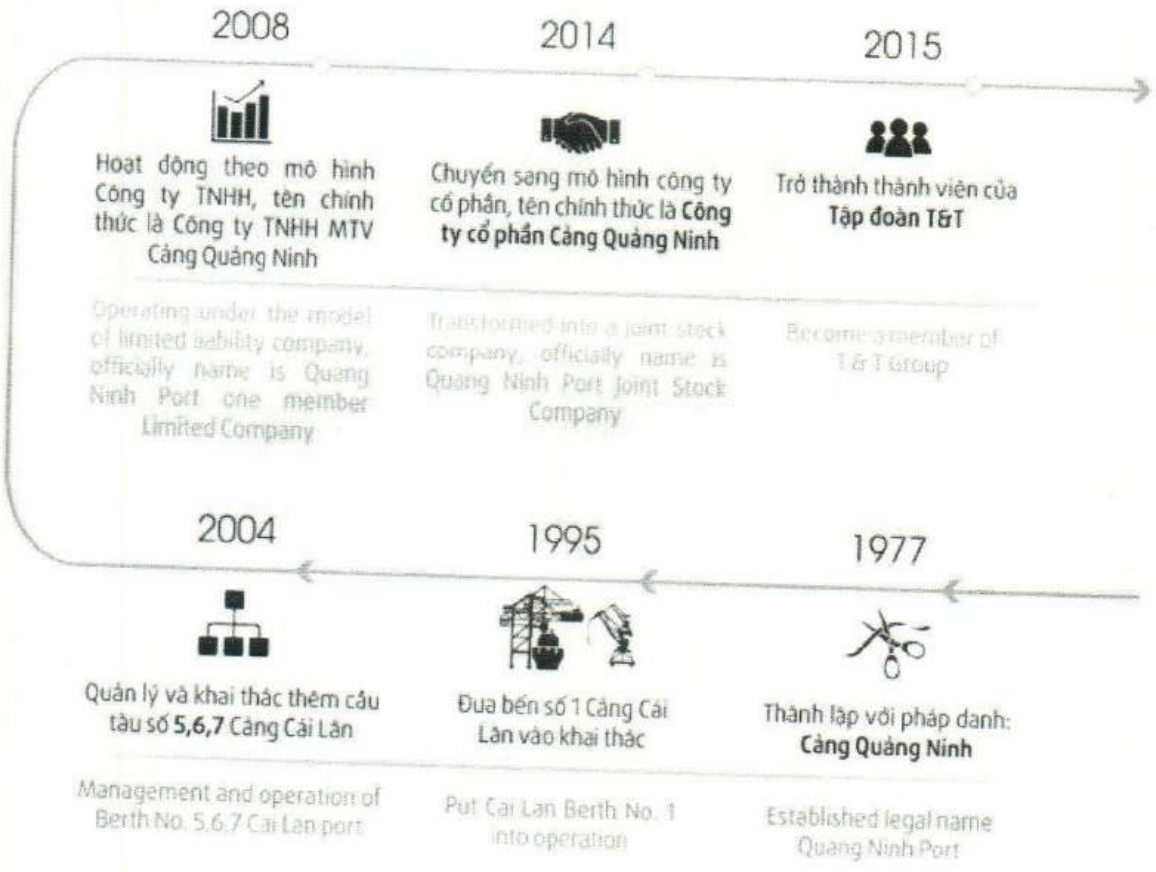

Ngày 29/08/1977, Bộ Giao thông vận tải đã ra Quyết định số 2226 QĐ/TC thành lập Cảng Quảng Ninh.

Năm 2008, Cảng Quảng Ninh chính thức chuyển thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 2681/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

Thực hiện theo Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012-2015, Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh đã tiến hành cổ phần hóa chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Ngày 23/5/2014, đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng của Công ty TNHH MTV Cảng Quảng Ninh tổ chức tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 22/8/2014, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu với vốn điều lệ là 500.499.360.000 đồng.

Ngày 23/4/2015, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam đã ký hợp đồng chuyển nhượng 49.060.387 cổ phần sở hữu tại Cảng Quảng Ninh (chiếm 98,02%) cho công ty cổ phần Tập đoàn T&T.

Năm 2020, Công ty hoàn thành tăng vốn điều lệ từ 500.499.360.000 đồng lên 750.499.360.000 đồng thông qua hình thức chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (Giấy ĐKKD cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 27/10/2021).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

❖ ***Ngành nghề kinh doanh***

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 10 năm 2021, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

Bảng số 1: Ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
2	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
3	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
5	Bán buôn thực phẩm;	4632
6	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
8	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9	Bán buôn tổng hợp	4690
10	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ kho bãi (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
11	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (loại trừ: Bán	4669

TT	Tên ngành	Mã ngành
	buôn thuốc trừ sâu, sang chai, đóng gói và các hóa chất khác theo danh mục nhà nước cấm)	
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa	5021
14	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: - Xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; - Chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (Không bao gồm ngành: Bốc xếp hàng hóa cảng hàng không, mã ngành 52245)	5224 (Chính)
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tại đường thủy Chi tiết: Dịch vụ Hàng hải	5222
16	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Chi tiết: - Giao nhận hàng hóa - Kinh doanh dịch vụ Logistics (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không)	5229
19	Đại lý du lịch	7911
20	Điều hành tua du lịch;	7912
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;	4659
23	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Đại lý bán lẻ xăng dầu	4730

❖ ***Hoạt động chính của công ty***

- Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa,
- Dịch vụ kho bãi,
- Dịch vụ đại lý vận tải và giao nhận hàng hóa,
- Dịch vụ xuất nhập khẩu,
- Vận tải hàng hóa đa phương thức,
- Dịch vụ hàng hải,
- Kinh doanh nông sản.

❖ ***Địa bàn kinh doanh: Quảng Ninh***

4. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

❖ ***Mô hình quản lý công ty***

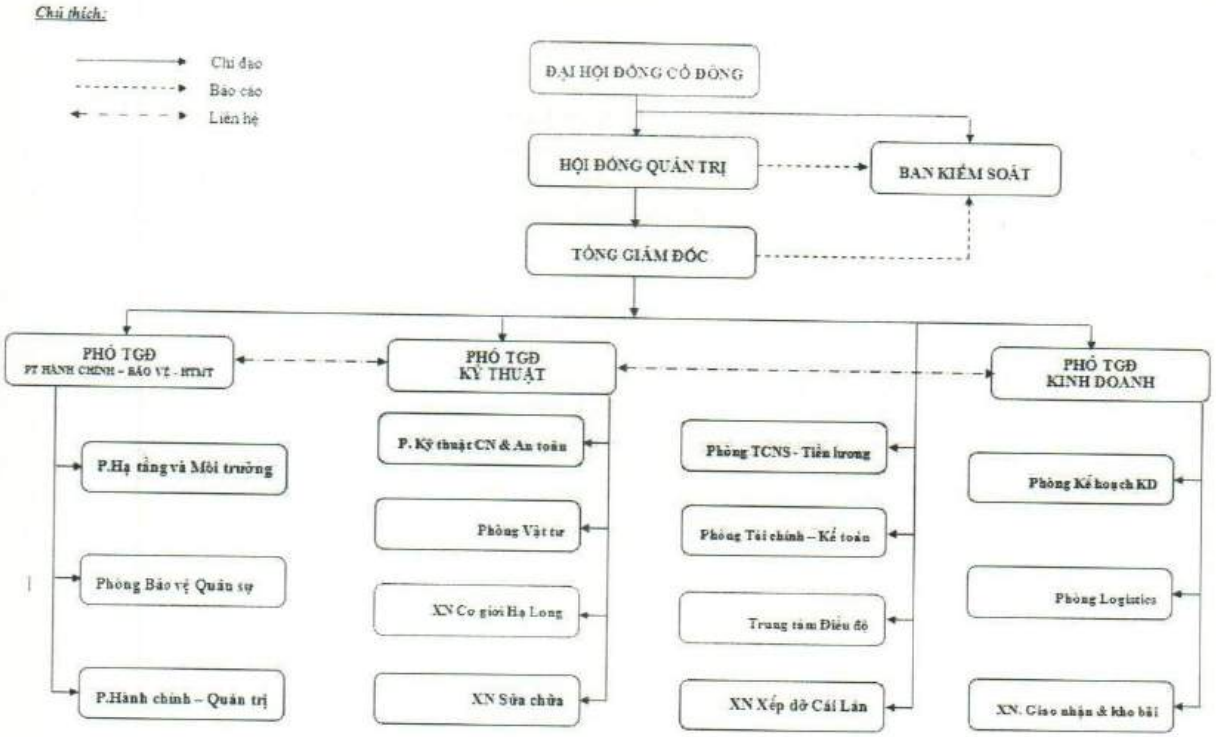

❖ ***Các công ty con, công ty liên kết:***

TT	Tên công ty	Thông tin vốn góp (đồng)	Tỉ lệ (%)	Ghi chú
I	**Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Cảng Quảng Ninh**			
1	Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (Số 31 - 33 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, HN)	583,694,350,000	77.77	Số 18 Phố Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
II	**Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Cảng Quảng Ninh nắm giữ**			
	Không có			
III	**Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan**			
1	Công ty cổ phần Vinalines Logistics	1,000,000,000	0.71	
2	Công ty CP Vinalines Đông Bắc	2,207,213,772	25.53	
3	Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân	24,550,600,000	8.14	
	Vốn trực tiếp của CQN	*24.550.600.000*	*8,14*	
	Vốn góp của CBNV	*5.159.390.000*		
4	Ngân hàng TMCP Hàng hải	1,015,739,351	0.01	
5	Tổng công ty Rau quả Nông sản – Công ty CP	374,860,713,000	12.25	
6	Quỹ Đầu tư tăng trưởng BVIM	100,000,000,000	33.33	

5. Định hướng phát triển

❖ **Tầm nhìn của công ty:** Trở thành nhà cung cấp dịch vụ hàng hải và cảng biển hàng đầu tại Việt Nam và hướng ra thế giới.

❖ **Sứ mệnh của công ty**: Kết nối lưu thông hàng hóa, phát triển kinh tế biển, nâng tầm thương hiệu.

❖ **Giá trị cốt lõi của công ty:**

- Tôn trọng;

- Tin cậy;
- Con người;
- Chuyên nghiệp;
- Hợp tác;
- Hiệu quả.

❖ **Mục tiêu chiến lược của công ty:**

– Định hướng phát triển Cảng Quảng Ninh trở thành một cảng biển lớn, quy mô, hiện đại nhất Việt Nam và mang tầm khu vực, đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung; đồng thời mang lại nhiều việc làm cho người lao động, lợi ích kinh tế cho các cổ đông. Cảng Quảng Ninh đang tiến hành thuê tư vấn trong và ngoài nước đưa ra quy hoạch tổng thể, tầm nhìn chiến lược phát triển ngắn, trung và dài hạn. Với định hướng và kế hoạch như trên sẽ tạo cơ hội lớn cho sự phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới.

– Giữ vững vị thế là một trong những cảng biển đứng trong top đầu của khu vực, có quy mô lớn về thị phần các mặt hàng, doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận.

– Là cảng hàng rời tổng hợp lớn nhất khu vực Cái Lân. Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và dịch vụ logistic chất lượng, tiến tới thiết lập gói dịch vụ chuỗi khép kín.

– Năng suất xếp dỡ hàng nông sản, dăm gỗ, sắt thép phế liệu lớn nhất khu vực miền bắc

– Đội ngũ nhân lực có trình độ, kinh nghiệm, tay nghề cao am hiểu và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về dịch vụ hàng hải

– Nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp, tập trung vào 2 khía cạnh của quản trị doanh nghiệp: nguồn nhân lực chất lượng cao và phương thức quản trị hiện đại như sau:

+ Nguồn nhân lực chất lượng cao: Để hoạt động quản trị doanh nghiệp hiệu quả và tiên tiến, yếu tố nhân lực không chỉ dừng lại ở đội ngũ quản lý cấp cao mà ngay từ người nhân viên trong mỗi phòng ban cũng cần có sự thay đổi về tư duy và hành động.

+ Phương thức quản trị hiện đại: Tập trung vào hai yếu tố đó là nâng cao tinh thần trách nhiệm cá nhân kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị.

– Là doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh tuân thủ đúng, đủ các quy định pháp luật; đóng góp và tham gia tích cực các phòng trào do chính quyền địa phương phát động.

– Cơ chế lương, thưởng cao tại khu vực, phù hợp đảm bảo mức thu nhập bình quân của người lao động không thấp hơn mức thu nhập hàng năm.

– Áp dụng CNTT tiên tiến, tự động hoá thúc đẩy chuyển đổi số bền vững. Là cảng công nghệ hiện đại.

– Thị phần chiếm 70% thị phần hàng hóa tại khu vực Cái Lân.

6. Các nhân tố rủi ro

a) Rủi ro về kinh tế:

– Sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xếp dỡ, giữa các cảng với nhau ngày càng khốc liệt, đặc biệt là giá xếp dỡ ngày càng giảm sâu. Vấn đề này đã thực sự gây khó khăn nhất định cho Cảng.

– Chi phí vận chuyển hàng hóa đi đến các tỉnh phía bắc qua Hải Phòng thấp hơn so với ra khu vực Quảng Ninh. Khách hàng sẽ đưa hàng về cảng Hải phòng khai thác để giảm bớt chi phí vận chuyển so với việc đưa về cảng Quảng Ninh.

– Tại khu vực cảng Hải Phòng có nhiều tuyến tàu container quốc tế đang khai thác có thể đáp ứng nhu cầu gửi hàng đa dạng cho khách hàng. Dịch vụ Logistics ít có cơ hội phát triển, khách hàng quen với việc mở tờ khai và làm các thủ tục khác cho hàng cont tại các chi cục Hải Quan Hải Phòng.

- Các khu công nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh đã hình thành nhưng nguồn hàng, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu qua cảng rất ít. Cảng không có cơ hội khai thác tiềm năng của khu công nghiệp để gia tăng dịch vụ, doanh thu.

- Kế hoạch tàu đến của khách hàng bất bình hành gây khó khăn trong việc lập kế hoạch, tối ưu hóa hệ số khai thác cầu bến của Cảng.

- Cảng Quảng Ninh là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh cảng biển chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự phát triển của nền kinh tế và tình hình thương mại thế giới, trong đó phụ thuộc vào nhu cầu nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa bằng đường biển. Để hạn chế rủi ro này, Cảng Quảng Ninh luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các phương án để có thể ứng phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Cảng Quảng Ninh.

- Ngoài ra, ngành cảng biển phụ thuộc rất lớn vào xu hướng phát triển của những hãng tàu trên thế giới, vì đối tượng trực tiếp sử dụng các dịch vụ bốc xếp tại cảng là các hãng vận tải biển. Xu hướng của các hãng vận tải biển trên thế giới ngày nay là gia tăng kích thước tàu nhằm tận dụng triệt để lợi thế kinh tế nhờ quy mô. Vì thế, để đáp ứng kích thước tàu chuyên chở hàng hóa ngày càng tăng, doanh nghiệp cảng biển phải liên tục gia tăng quy mô, mở rộng chiều dài cảng, vũng quay tàu, độ sâu mớn nước và nâng cấp các trang thiết bị công nghệ trong khu cảng. Máy móc, trang thiết bị của cảng cũng rất khó để sử dụng trong các ngành khác vì vậy chiến lược và kế hoạch đầu tư của cảng biển là một yếu tố đặc biệt quan trọng.

b) Rủi ro về luật pháp:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật đấu thầu, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập… Khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về thị trường chứng khoán. Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn. Các rủi ro có thể bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân trong đó rủi ro pháp lý phát sinh từ việc tuân thủ pháp luật, thay đổi pháp luật, áp dụng pháp luật của công ty và các mâu thuẫn giữa pháp luật trong nước và cam kết quốc tế là một trong những rủi ro gây hậu quả nghiêm trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của công ty.

- Bên cạnh đó, do hoạt động kinh doanh kho bãi, dịch vụ logistics, xếp dỡ vận chuyển và làm thủ tục giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật của nhà nước về lĩnh vực hàng hải, hải quan, điều hành vận tải đường bộ, đường thủy nội địa..., mà còn phải tuân thủ các Điều ước quốc tế, các thỏa ước của Hiệp hội vận chuyển, giao nhận hàng hóa quốc tế như FIATA,...

- Các rủi ro pháp lý này ngày càng gia tăng cùng với sự phát triển của công ty, đặc biệt trong bối cảnh những biến động phức tạp về tình hình kinh tế Việt Nam và trên thế giới hiện nay. Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, Cảng Quảng Ninh luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Cảng, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

c) Rủi ro đặc thù

- Bên cạnh những rủi ro về kinh tế, rủi ro luật pháp, chính sách ảnh hưởng đến doanh nghiệp, rủi ro đặc thù ngành kinh doanh là ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- Rủi ro về trang thiết bị phục vụ xếp dỡ hàng hóa: Với việc sử dụng trang thiết bị, công cụ dụng cụ ở mức độ và tần suất cao, thời gian bảo dưỡng ngắn, có xu hướng gia tăng nguy cơ hư hỏng định kỳ và đột xuất, gây ảnh hưởng đáng kể đến quá trình xếp dỡ và tăng chi phí sửa

chữa. Do đó, Ban lãnh đạo công ty không ngừng đặt ra yêu cầu cao đối với nhóm nhân sự kỹ thuật gồm quản lý, vận hành và sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị; yêu cầu phải thực hiện theo dõi thiết bị một cách chặt chẽ. Trong đó, mục tiêu là sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị kịp thời và xử lý ngay khi có sự cố phát sinh. Giải pháp này được đưa ra với mục đích giảm thiểu rủi ro gián đoạn trong quá trình xếp dỡ và giảm bớt chi phí sửa chữa lớn.

- Việc giá nhiên liệu thường xuyên biến động ở mức cao, các loại phí bảo hiểm, thuế và phí tăng cao cùng việc hạ tầng giao thông đô thị xuống cấp làm cho tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp cảng biển, vận tải gặp nhiều khó khăn. Sự thay đổi liên tục chính sách về thuế đối với các phương tiện vận tải cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến việc kinh doanh khai thác cảng. Các yếu tố thị trường như giá, nhu cầu hàng hóa, hạn ngạch xuất nhập khẩu... ảnh hưởng đến các khách hàng của Cảng Quảng Ninh cũng sẽ kéo theo sự sụt giảm hoặc gia tăng sản lượng hàng hóa làm hàng tại Cảng.

d) Rủi ro khác:

- Ngoài ra, điều kiện thiên nhiên là nhân tố rủi ro lớn nhất ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Quảng Ninh. Sản lượng và hiệu quả của Cảng phụ thuộc vào thủy triều, thời tiết khí hậu, đặc biệt mùa mưa bão, lũ lụt, thiên tai...các rủi ro từ thiên nhiên gây thiệt hại về đường xá; gây khó khăn cho phương tiện thủy, bộ trong việc vận hành kinh doanh.

- Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh trong khu vực và trên thế giới đều có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Các bất ổn về kinh tế, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của Việt Nam cũng như các nước lân cận để lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu, cơ cấu lại quy mô đầu tư của các sản phẩm mà Công ty cho phù hợp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	So sánh (%) thực hiện 2024 với	
						KH 2024	TH 2023
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*7=6/4*	*8=6/5*
I	**Chỉ tiêu SXKD**						
A	**Chỉ tiêu kinh doanh Cảng biển**						
1	Sản lượng thông qua	Tấn TQ	8.362.000	8.079.370	10.458.376	125,07%	129,45%
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn XD	8.595.000	8.185.752	10.841.986	126,14%	132,45%
3	Doanh thu dịch vụ cảng biển	Tỷ đồng	510	508,44	662,27	129,86%	130,26%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	116,25	115,42	149,75	128,82%	129,74%
B	**Chỉ tiêu kinh doanh thương mại**						
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng		139,69		#DIV/0!	0,00%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		0,015		#DIV/0!	0,00%
II	**Chỉ tiêu tài chính**						
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng		1.059,82	1.137,20	#DIV/0!	107,30%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng		947,41	979,08	#DIV/0!	103,34%
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	536,485	689,49	704,52	131,32%	102,18%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	116,25	115,4	149,75	128,82%	129,77%
III	**Chỉ tiêu lao động**						
1	Số lượng lao động (bình quân)	người	645,0	657	629	97,52%	95,74%
2	Thu nhập BQ người lao động	Tr.đ/ tháng	16,8	16,52	21,8	129,76%	131,96%

2. Danh sách ban điều hành và tóm tắt lý lịch

TT		Họ và tên	Chức danh	Sơ yếu lý lịch
1	Ông	Hoàng Trọng Tùng	Tổng Giám đốc	- Ngày tháng năm sinh: 16/9/1960 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Xã Liên Vị, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Địa chỉ thường trú : Tổ 8 Khu 1 phường Hà Trung, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không. -Tỷ lệ sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết: 12.400 CP
2	Ông	Quách Đình Phú	Phó TGĐ	- Ngày tháng năm sinh: 14/1/1964 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh - Quê quán: Thái Phúc, Thái Thụy, Thái Bình - Địa chỉ thường trú : Tổ 2, khu 6, phường Yết kiêu, Hạ Long, Quảng Ninh - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xếp dỡ, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển. - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Bằng A tiếng Anh - Tin học : Văn phòng - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư Đảng ủy Đảng bộ Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh. -Tỷ lệ sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết: 14.922 CP
3	Ông	Nguyễn Văn Mạnh	Phó TGĐ	- Ngày tháng năm sinh: 20/03/1978 - Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Địa chỉ thường trú: P808 Nhà H - Đền Lừ I - Hoàng Mai - Hà Nội- Trình độ văn hóa : 12/12 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ĐH Kinh tế Quốc dân - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: TV HĐQT CTCP đầu tư Cảng Cái Lân -Tỷ lệ sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết: 0
4	Ông	Đinh Anh Tuấn	Phó TGĐ	- Ngày tháng năm sinh: 28/7/1966 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Quê quán: Yên Định, Thanh Hóa - Địa chỉ thường trú: Tổ 2 Khu 2, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh - Lý luận chính trị: Cao cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh (A) - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không. -Tỷ lệ sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết: 19.041 CP
5	Ông	Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng Miễn nhiệm ngày 01/12/2024	-Ngày tháng năm sinh: 26/7/1974 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh - Địa chỉ liên hệ: Tổ 1B khu 1 phường Hùng Thắng, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán - Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không -Tỷ lệ sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết: không
6	Ông	Vũ Mạnh Duy	Trưởng phòng TCKT Bổ nhiệm ngày 01/12/2024	- Ngày tháng năm sinh: 22/02/1989 - Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc : Kinh - Địa chỉ thường trú: Số nhà 52, tổ 4, khu 3, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán - Lý luận chính trị: Sơ cấp - Ngoại ngữ: Tiếng Anh - Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: TV BKS CTCP đầu tư Cảng Cái Lân. -Tỷ lệ sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết: không

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động trong Công ty tại ngày 31/12/2024 là 611 CBCNV được cơ cấu như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỉ trọng (%)
I	**Tổng số lao động (tại thời điểm 31/12/2024)**	**611**	**100**
1	Ban Tổng giám đốc	4	0,65%
2	Đảng, công đoàn	2	0,33%
3	Lao động quản lý (từ cấp phó trưởng phòng và tương đương trở lên)	26	4,26%
4	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	96	15,71%
5	Lao động trực tiếp sản xuất	412	67,43%
6	Lao động thừa hành, phục vụ	71	11,62%
II	**Trình độ chuyên môn**	**611**	**100**
1	Trình độ trên đại học	4	0,65%
2	Trình độ đại học	178	29,13%
3	Trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp	57	9,33%
4	Trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	252	41,24%
5	Chưa qua đào tạo, (LĐPT)	120	19,64%

Công ty xây dựng chế độ lương, thưởng, phúc lợi cạnh tranh đảm bảo giữ được người tài và thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công việc, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất, tích cực sáng tạo trong sản xuất, gắn bó lâu dài với Công ty; thực hiện phân phối làm theo năng lực, hưởng theo hiệu quả công việc đã tạo ra sự công bằng giữa các tập thể, cá nhân. Việc điều chỉnh lương được xem xét định kỳ hàng năm và theo từng trường hợp cụ thể căn cứ theo năng lực làm việc, thành tích đóng góp của CBNV và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật lao động và nội quy lao động. Thời giờ làm việc không quá 48 giờ trong một tuần. Trong đó:

+ CBNV khối văn phòng công ty, văn phòng các đơn vị, làm theo giờ hành chính 8 giờ/ngày.

+ Đối với các bộ phận còn lại làm việc theo ca 8 giờ/ ca hoặc 6 giờ/ca.

- Thời giờ nghỉ ngơi:

+ Công ty thực hiện đúng quy định của pháp luật. Cụ thể là: công nhân trực tiếp sản xuất làm việc liên tục 08 giờ hoặc 06 giờ được nghỉ 30 phút tính vào thời giờ làm việc.

+ Thời gian nghỉ hằng năm của NLĐ được thực hiện theo đúng nội quy lao động

+ Thời gian nghỉ ngày lễ, tết, nghỉ việc riêng (hiếu, hỷ) được giải quyết theo Nội quy lao động và Bộ luật lao động.

c) Chính sách thưởng

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người lao động có những thành tích xuất sắc; có đóng góp lớn và mang lại hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

d) Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

➢ Công ty đã thực hiện đầy đủ những quy định về bảo hiểm xã hội, phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp, cụ thể:

- Trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTN đúng, đủ theo quy định.

- Người lao động bị TNLĐ, ốm đau, thai sản, nghỉ dưỡng sức được hưởng chế độ theo đúng quy định.

➢ Công ty thực hiện đầy đủ chế độ phúc lợi cho người lao động theo Quy chế phúc lợi của công ty.

➢ Thực hiện một số biện pháp cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động:

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động tùy theo vị trí, đặc điểm công việc. Thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại;

- Thực hiện khám khám bệnh nghề; khám sức khỏe định kỳ 06 tháng/lần đối với NLĐ làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và 12 tháng/lần đối với lao động khác.

- Quan trắc môi trường lao động để đánh giá các yếu tố có hại đối với sức khỏe người lao động từ có các giải pháp chăm sóc sức khỏe, cải thiện điều kiện làm việc phù hợp, hiệu quả.

- Ngoài chính sách lương, thưởng, người lao động trong công ty còn được công ty đào tạo để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý…; nâng bậc lương, thi tay nghề.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023 (VNĐ)	31/12/2024 (VNĐ)	Tăng/ giảm	
				tuyệt đối (VNĐ)	%
1	Tổng giá trị tài sản	1.059.816.203.522	1.137.197.723.485	77.381.519.963	7,3%
2	Doanh thu thuần	648.143.150.883	662.274.555.759	14.131.404.876	2,2%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	99.569.212.720	128.787.525.826	29.218.313.106	29,3%
4	Lợi nhuận khác	15.865.330.246	20.959.683.600	5.094.353.354	32,1%
5	Lợi nhuận trước thuế	115.434.542.966	149.747.209.426	34.312.666.460	29,7%
6	Lợi nhuận sau thuế	92.091.366.893	119.211.903.372	27.120.536.479	29,4%
7	Tỉ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0,815	0,630	-0,185	-22,7%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Ghi chú
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**		
1.1	Hệ số thanh toán ngắn hạn = (Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn)	2,94	
1.2	Hệ số thanh toán nhanh = [(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn]	2,69	
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**		
2.1	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,14	
2.2	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,16	
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**		
3.1	Vòng quay hàng tồn kho = (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	11,51	
3.2	Vòng quay tổng tài sản = (Doanh thu thuần/ Tổng tài sản BQ)	0,60	
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**		
4.1	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,18	
4.2	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,12	
4.3	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,10	
4.4	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Tổng tài sản	0,11	

5. Cơ cấu cổ đông, những thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Cổ phiếu phổ thông: 75.049.936 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 80.690 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 74.969.246 cổ phiếu

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 26/03/2025 (*theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp*):

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông (CD)	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Tỷ lệ (%)
I	**THEO TỶ LỆ SỞ HỮU**	**337**	**75.049.936**	**100%**
1	Cổ đông lớn	1	58.369.435	77,77%
2	Cổ đông nhỏ	336	16.680.501	22,23%
II	**CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, TRONG NƯỚC, NƯỚC NGOÀI**	**337**		
1	**CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC**	**335**	**75.049.936**	**100%**
1.1	Tổ chức	4	62.058.550	82,69%
1.2	Cá nhân	331	12.991.186	17,31%
2	**CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI**	**2**	**200**	
2.1	Tổ chức	0	0	0,00%
2.2	Cá nhân	2	200	0,0003%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Đại hội cổ đông bất thường được tổ chức vào ngày 5/10/2020, thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tăng vốn điều lệ từ 500.499.360.000 đồng lên 750.499.360.000 đồng.

- Ngày 25/12/2020, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước ra công văn số 7570/UBCK-QLCB chấp thuận báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng của Cảng Quảng Ninh, tăng vốn điều lệ lên 750.499.360.000 đồng

- Ngày 29/01/2021, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ra Thông báo số 181/TB-SGDHN thông báo ngày giao dịch chính thức 25.000.000 cổ phiếu mới phát hành là ngày 03/02/2021.

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Không có

5.5 Các chứng khoán khác

- Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tiêu thụ năng lượng

- Tổng chi phí điện năm 2024 là: 7.242.692.931 đồng.
- Tổng chi phí dầu năm 2024 là: 18.617.137.891 đồng.
- CBCNV thực hiện sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn điện của công ty để phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Các bộ phận chủ động thực hiện kiểm tra việc sử dụng điện ở văn phòng, xưởng, kho, bãi sau giờ nghỉ việc và có kế hoạch đóng/ ngắt hợp lý đối với hệ thống chiếu sáng toàn cảng.

6.2. Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước: Công ty nước sạch Quảng Ninh.
- Chi phí sử dụng nước năm 2024: 750.516.375 đồng.
- CBCNV luôn có ý thức trong việc sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hợp lý. Không tùy tiện sử dụng các vòi nước, đặc biệt là các họng nước dành riêng cho việc chữa cháy của công ty.

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Cảng Quảng Ninh đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm bụi trong không khí, giảm các yếu tốc bức xạ, trồng cây xanh dọc các tuyến đường nội bộ nhằm tạo cảnh quan đồng thời cải thiện môi trường không khí cung quanh; vận hành các hệ thống thu gom và xử lý nước thải; thu gom, phân loại và xử lý rác thải rắn, rác thải độc hại.

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động bình quân năm 2024: 629 người. Thu nhập bình quân người lao động năm 2024: 21,8 triệu đồng/người/tháng

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động phù hợp theo vị trí và đặc điểm công việc. Bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong môi trường có yếu tố độc hại, nguy hiểm. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp.

- Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động: Các lớp cơ bản được hoàn thành đúng thời hạn, có hiệu quả, bổ sung kiến thức, nâng cao tay nghề cho người lao động; kịp thời bổ sung nhân lực có trình độ nhằm phục vụ cho công tác sản xuất của Công ty:

- Đào tạo, huấn luyện nội bộ tự thực hiện:

+ Hướng dẫn bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị (công nhân Sửa chữa, cơ giới): 147 người

+ Hướng dẫn sử dụng phần mềm cân điện tử, eportal; lắp đặt camera xếp dỡ tàu sắt: 36 người

+ Hướng dẫn kèm cặp nghề vận hành xe nâng: 01 người

+ Hướng dẫn nghiệp vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa (nhân viên giao nhận, nhân viên kho): 37 người

+ Vận hành cần trục chân đế (cẩu đế 10T): 01 người

- Công ty đã phối hợp với đơn vị bên ngoài mở lớp đào tạo và cử đi học các lớp:

+ Vận hành trạm điện (nhân viên trực trạm điện, NV quản lý điện) cho 05 người

+ Nghiệp vụ PCCC (Đội PCCC): 32 người;

+ Nghiệp vụ đấu thầu: 34 người

+ Sỹ quan an ninh cảng biển: 03 người;

+ Hướng dẫn vận hành, kiểm tra hệ thống báo cháy tự động khu nhà 6 tầng: 16 người

- Hoạt động tuyên truyền, huấn luyện: bổ sung kiến thức, nâng cao kỹ năng cho người lao động:

+ Tổ chức Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động;

+ Tổ chức tuyên truyền ATGT, 5S, ATGT.

6.5. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng

- Cảng Quảng Ninh là thành viên Hiệp hội cảng biển Việt Nam, tham gia hoạt động theo quy định của Hiệp hội; tích cực hợp tác, liên kết, hỗ trợ và giúp đỡ các thành viên trong công việc phát triển nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo vệ quyền lợi kinh tế của các hội viên trong lĩnh vực quản lý, kinh doanh, khai thác cảng trên cơ sở đó hòa đồng, phối hợp và cộng tác với các hoạt động cùng lĩnh vực của các đồng nghiệp trên thế giới.

- Cảng Quảng Ninh là thành viên tổ giúp việc tham mưu cho UBND tỉnh Quảng Ninh triển khai Nghị Quyết số 15-NQ/TU ngày 23/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển cảng biển và dịch vụ cảng biển trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được kỳ vọng sẽ là bàn đạp để thúc đẩy cảng biển và dịch vụ cảng biển Quảng Ninh phát triển nhanh, mạnh hơn nữa. Qua đó là cầu nối giữa các khách hàng của Cảng với UBND tỉnh Quảng Ninh về cơ chế, chính sách cũng như tháo gỡ những vướng mắc khó khăn.

- Cảng Quảng Ninh là thành viên của Khối thi đua các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ của Tỉnh, là đơn vị gương mẫu trong các hoạt động phòng trào của Khối. Cảng Quảng Ninh luôn duy trì công tác xây dựng hình ảnh là doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, hướng tới cộng đồng bằng các chương trình vô cùng ý nghĩa như:

+ Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBCNV trong công ty, kịp thời thăm hỏi, hỗ trợ hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn (hỗ trợ tiền xây nhà, hỗ trợ bằng hiện vật thiết yếu cho người lao động như tủ lạnh, ti vi, xe máy...).

+ Hỗ trợ xây nhà ở cho hộ gia đình người khuyết tật, trẻ mồ côi có hoàn cảnh khó khăn tỉnh Quảng Ninh.

+ Nhận đỡ đầu trẻ em có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

+ Tổ chức giải thể thao phong trào khối thi đua các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ tỉnh Quảng Ninh gây quỹ giúp đỡ những gia đình khó khăn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Tham gia, hưởng ứng phong trào quyên góp ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt, ...

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

1.1 Chỉ tiêu SXKD

❖ *Hoạt động kinh doanh cảng biển*

Tỉ lệ tăng trưởng bình quân sản lượng thông qua và sản lượng xếp dỡ khoảng 30 % so cùng kỳ 2023và đạt 25% so với kế hoạch đầu năm đề ra .

Tỉ lệ tăng trưởng bình quân doanh thu và lợi nhuận trước thuế khoảng 30% so với cùng kỳ năm 2023 và đạt 29% so với kế hoạch năm.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2023	Thực hiện 2024	So sánh (%) thực hiện 2024 với	
						KH 2024	TH 2023
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*7=6/4*	*8=6/5*
1	Sản lượng thông qua	Tấn TQ	8.362.000	8.079.370	10.458.376	125,07%	129,45%
2	Sản lượng xếp dỡ	Tấn XD	8.595.000	8.185.752	10.841.986	126,14%	132,45%
3	Doanh thu dịch vụ cảng biển	Tỷ đồng	510,00	508,44	662,27	129,86%	130,26%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	116,25	115,42	149,75	128,82%	129,74%
5	Thu nhập QB	Tr.đ/ tháng	16,80	16,52	21,80	129,76%	131,96%

❖ *Hoạt động kinh doanh thương mại: không có.*

1.2 Chỉ tiêu tài chính

- Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2024 là 1.137,197 tỷ đồng, tăng 77,38 tỷ đồng (7,3%) so với năm 2023.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 là 979,07 tỷ đồng, tăng 31,66 tỷ đồng (3,34%) so năm 2023.
- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 là 158,12 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 112,4 tỷ đồng). Công ty không có các khoản nợ dài hạn.
- Các khoản phải thu ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2023 là 208,86 tỷ đồng (tại thời điểm 31/12/2023 là 42,78 tỷ đồng). Công ty không có các khoản phải thu dài hạn.
- Thu nhập bình quân người lao động đạt 21,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 5,28 triệu đồng/người/tháng so với năm 2023.

1.3 Kết quả công tác sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị và XDCB

❖ *Công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị*

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Số lượng hạng mục	Giá trị (đồng)
I	**Các hạng mục đang thực hiện dở dang trong năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024**		
1	Hoàn thành	1	4.306.069.158
2	Chưa hoàn thành		
II	**Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên**		
1	Hoàn thành theo kế hoạch	660	7.802.014.266
2	Phát sinh	360	2.522.985.734
3	Chưa hoàn thành		
III	**Các hạng mục sửa chữa lớn**		
1	Hoàn thành theo kế hoạch	18	1.782.508.000
2	Phát sinh	3	663.853.774
3	Chưa hoàn thành	19	15.320.000.000
IV	**Các hạng mục đầu tư mới**		
1	Hoàn thành theo kế hoạch	1	2.430.000.000
2	Phát sinh	1	1.393.200.000
3	Chưa hoàn thành	1	3.000.000.000
V	**Khác (nếu có)**		
	Tổng cộng	**1064**	**39.220.630.932**

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thường xuyên: thực hiện theo kế hoạch và phát sinh theo tình hình thực tế sản xuất.
- Chất lượng sửa chữa và công tác đầu tư trang thiết bị đáp ứng tốt cho nhu cầu sản xuất.

❖ *Xây dựng cơ bản*

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (đồng)
			Vốn của Cảng
1	Các hạng mục đang thực hiện dở dang trong năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024:		14.553.567.365
	- Hoàn thành	4	
	- Đang thực hiện	3	
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ:		164.132.800
	- Hoàn thành	3	
	- Chưa thực hiện	1	
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ (≤100 triệu đồng):		107.141.978
	- Hoàn thành	3	
	- Chưa thực hiện, chuyển tiếp sang 2025:	5	
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn (>100 triệu đồng): hoàn thành		32.893.686
	- Hoàn thành	3	
	- Chưa thực hiện, chuyển tiếp sang 2025:	1	
5	Các dự án đầu tư mới theo yêu cầu của sản xuất:		
	- Hoàn thành		
	- Đang thực hiện	1	
6	Các hạng mục phát sinh nằm ngoài kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2024:		1.071.984.989
	- Hoàn thành	73	
	- Đang thực hiện theo KH	8	
	Tổng		**15.929.720.818**

- Công tác đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở hạ tầng: Cơ bản đã thực hiện kịp thời, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch.

- Thực hiện duy tu, bảo dưỡng các hạng mục công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Cục Hàng hải Việt Nam.

- Công tác môi trường: Cơ bản đã thực hiện tốt theo quy định của Nhà nước. Định kỳ kiểm tra, nhắc nhở và lập biên bản vệ sinh môi trường các đơn vị trong toàn cảng theo kế hoạch hàng tháng đề ra.

2. Đánh giá

2.1. Đánh giá hoạt động kinh doanh cảng biển

a) Đạt được

- Sản lượng hàng hóa, doanh thu tăng trưởng cao so với năm 2023 (30%).
- Duy trì số lượng, mở rộng cung cấp dịch vụ cho khách hàng hiện có.
- Marketing khách hàng mới, mặt hàng mới : phát triển thêm 01 mặt hàng ô tô chuyên dụng và thiết bị quân sự và 05 khách hàng.
- Marketing dịch vụ lưu kho tới các khách hàng TACN, chính sách thu hút khách hàng gửi kho cảng: tăng sản lượng hàng hóa nhập lưu kho, gia tăng các dịch vụ logistics.
- Áp dụng chính sách kinh doanh linh hoạt, hiệu quả với các mặt hàng chủ lực.
- Chăm sóc khách hàng : Giải quyết các kiến nghị của khách hàng về giao nhận hàng hóa không quá 24 tiếng; trao đổi trực tiếp về kết quả dịch vụ của cảng với khách hàng sau mỗi chuyến tàu, lô hàng; nắm bắt thông tin tàu đến và trao đổi, xác báo với khách hàng tối thiểu trước 7 ngày về tiếp nhận tàu hàng với khách hàng
- Truyền thông, quảng bá hình ảnh : đăng tải lên các kênh truyền thông phổ biến hiện nay: Website, Facebook, Youtube,.... Các sự kiện nổi bật về kinh doanh, khai thác, các hoạt động xã hội (làm công ích, tình nguyện,...) đều được biên soạn và đăng trên website, facebook của Cảng.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Các dịch vụ logistics mới chỉ thực hiện gói gọn trong khu vực Cảng Cái Lân, chưa tiếp cận ra bên ngoài, do chưa có hệ thống xe vận tải đường bộ và sà lan vận chuyển đường thủy, do đó nếu đi thuê giá thành cao rất khó cạnh tranh, hiệu quả thấp.

- Chưa cung cấp được 100% dịch vụ xếp dỡ hàng TACN cho các chủ hàng tại vùng neo do: Một số chủ hàng nắm quyền chỉ định đơn vị xếp dỡ tại vùng neo sử dụng chuỗi cung ứng của các đơn vị tư nhân về dỡ tại các cảng sông và lưu kho tại khu vực Hải Dương, Hà Nam với giá dịch vụ rẻ thấp.

2.2. Đánh giá hoạt động sản xuất

a) Kết quả năng suất xếp dỡ các mặt hàng

- Nhìn chung, năng suất xếp dỡ các mặt hàng chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2023 và kế hoạch đề ra, cụ thể :

- Năng suất hàng TACN tăng nhẹ 1,14% do công tác tổ chức sản xuất hợp lý, đảm bảo hệ số thiết bị cũng như máng mở theo kế hoạch, năng lực nhận hàng của chủ hàng đảm bảo.

- Năng suất hàng sắt phế liệu giảm 9% do đảm bảo thiết bị, công cụ làm hàng, ít phải chia sẻ thiết bị tiền phương với tàu nông sản.

- Năng suất hàng dăm gỗ tăng 9,3% do yếu tố sức ép của cầu cảng các chủ hàng xuất dăm phải tăng tăng tốc độ xuất hàng để đảm bảo kế hoạch khai thác của Cảng.

- Năng suất hàng gỗ viên nén tăng 5,75% công tác phối hợp với chủ hàng đã có nhiều cải thiện.

b) Đánh giá công tác kiểm soát tỷ lệ hao hụt hàng thức ăn chăn nuôi (TĂCN)

- Tỷ lệ hao hụt năm 2024 nhìn chung tăng nhẹ so với năm 2023, trong đó chỉ tiêu Cân/Bill được đánh giá là chỉ tiêu quan trọng trong khai thác tàu TĂCN tăng **từ 0,211% lên 0,239%.**

- Tỷ lệ thiếu hàng tăng nguyên nhân chủ yếu do: Có những chuyến tàu của Bunge, Cofco đã thiếu hụt từ lúc xếp hàng phía cảng dỡ do chung hầm với các Cảng phía Nam. Shipper đồng ý cho khách hàng lớn của họ nhận hàng tại vùng neo không chịu tỷ lệ chung toàn tàu nên thiếu hàng do dỡ chung hầm với hàng giao đi thẳng ngoài neo.

c) Đánh giá công tác quản lý lưu kho, bãi

- Sản lượng hàng hóa lưu kho đạt 607.367,71 tấn, tăng 236.809,78 tấn (64%) so với năm 2023. Sản lượng hàng hóa lưu bãi 1.300.635,239 tấn, tăng 625.183,7 tấn (93 %) so với năm 2023.

- Công tác nhập, xuất, bảo quản hàng hóa lưu kho tốt (có chia lại hàng hóa cho các khách hàng gửi kho). Hệ số chất xếp hàng hóa trong kho đảm bảo đạt yêu cầu.

- Đảm bảo ATLĐ- PCCN- VSMT đặc biệt được đơn vị quan tâm hàng đầu, kết quả trong năm không để xảy ra sự cố, tai nạn nào, đảm bảo an toàn về con người, CSHT và hàng hóa. Công tác vệ sinh được thực hiện sạch sẽ gọn gàng khu vực đơn vị quản lý. Giảm 50% số vụ vi phạm quy trình lao động so với năm 2023.

- Đơn vị đã tổ chức, phối hợp khắc phục nhanh chóng thiệt hại do cơn bão số 3 Yagi gây ra, để đảm bảo an toàn hàng hóa và đưa kho vào phục vụ xuất, nhập hàng kịp thời. Được các khách hàng đánh giá cao.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

3.1. Mục tiêu

a) Mục tiêu kinh doanh cảng biển

- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 được phê duyệt.
- Hàng TACN: Tận dụng tối đa lợi thế cảng nước sâu, thế mạnh khai thác hàng TACN nhằm mục tiêu khai thác trên 70% thị phần tại khu vực Cái Lân. Duy trì ổn định các hợp đồng TPA với các Shipper đang thực hiện. Nắm bắt kịp thời thông tin kế hoạch tàu & tổ chức triển khai thông suốt.
- Hàng dăm gỗ: Thu hút chiếm trên 50% thị phần lượng hàng xuất khẩu và khách hàng lớn tại khu vực Cái Lân.
- Hàng sắt thép phế liệu, vôi bịch, soda, bò sống, xi măng rời: Thu hút 100% sản lượng tại khu vực Cái Lân.
- Các mặt hàng khác, mặt hàng mới: Với lợi thế là cảng tổng hợp, tiếp cận và thu hút 100% khai thác tại CQN.
- Khai thác tàu lai, tìm kiếm mở rộng thêm các khu vực, tăng thị phần và doanh thu so với cùng kỳ năm 2024.
- Giữ ổn định các khách hàng chiến lược đạt 100% so với cùng kỳ năm 2024 phát triển thêm ít nhất 05 khách hàng mới và 01 mặt hàng mới.
- Tiền thưởng tàu đạt trên 800.000 Usd.

b) Mục tiêu trong sản xuất

- Hoàn thành kế hoạch năng suất xếp dỡ, giảm tỷ lệ hao hụt.
- Nắm bắt lịch tàu đến khu vực Cái Lân để xây dựng kế hoạch tiếp nhận trên cơ sở tính toán thị trường tàu nông sản về nhiều.

- Tổ chức tốt công tác chuyển tải hàng nông sản từ ngoài vịnh vào trong cầu giao cho khách hàng.
- Hiệu suất sử dụng cầu bến đạt > 85%. Thực hiện tốt công tác lập kế hoạch bố trí cầu bến, hạn chế tàu đến phải chờ cầu, nâng cao uy tín góp phần vào công tác marketing của Cảng.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác giải phóng an toàn, thực hiện tốt công tác làm hàng tại khu neo và các tàu đến cảng làm hàng đặc biệt các tàu có ký hợp đồng thưởng phạt, không có tàu bị phạt năng suất.
- Tỷ lệ hao hụt hàng hóa TACN dưới mức 0,2%.
- Phối hợp chặt chẽ với khối kỹ thuật đảm bảo hệ số sẵn sàng khai thác ở mức cao nhất.
- Thường xuyên rà soát, kiểm tra việc thực hiện các quy định, quy trình về sản xuất nhằm giảm thiểu tiến tới loại trừ các vụ việc vi phạm, đặc biệt là các vi phạm mất an toàn lao động.
- Tiếp tục tăng cường công tác nắm bắt thông tin tàu đến khu vực Cái Lân để hỗ trợ, phục vụ công tác Marketing.
- Thực hiện tốt công tác an ninh cảng biển, an toàn hàng hóa.

c) Mục tiêu kỹ thuật, công nghệ

- Đảm bảo hệ số sẵn sàng và hoạt động ổn định của thiết bị tiền phương > 80%, đảm bảo hệ số sẵn sàng ở mức cao nhất.
- Đánh giá các nguy cơ mất an toàn lao động xếp dỡ các mặt hàng.
- Tất cả các thiết bị, công cụ được bảo dưỡng định kỳ, đúng thời hạn.
- Đảm bảo tiến độ, chất lượng đầu tư, sửa chữa.
- Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực khối kỹ thuật.

d) Mục tiêu quản trị và điều hành

- Cung cấp khuôn khổ rõ ràng để tổ chức hoạt động nhất quán với mục tiêu chiến lược.
- Sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất, bao gồm: nhân sự, tài chính và công nghệ.
- Cải thiện quy trình và hệ thống để tăng năng suất chất lượng.
- Dự đoán và giảm thiểu các rủi ro trong quá trình vận hành.
- Xây dựng năng lực tổ chức để nhanh chóng thích nghi với biến động của thị trường
- Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh tổng thể ngắn và dài hạn trong toàn cảng và kế hoạch hành động cho các đơn vị phòng ban chuyên môn. Hàng tháng, quý, năm đánh giá kết quả thực hiện, đồng thời có chế tài thưởng phạt rõ ràng đối với tập thể và người đứng đầu.
- Đặt mục tiêu cụ thể cho từng tháng để giải quyết các vấn đề còn tồn tại đối với từng mặt hàng cụ thể, tạo thói quen cho các bộ phận trực tiếp cũng như phục vụ trong các tháng tiếp theo.
- Tiếp tục thực hiện rà soát, triển khai công tác quản trị chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh.

3.2. Các chỉ tiêu hoạt động SXKD

a) Cơ sở xây dựng chỉ tiêu kế hoạch

- Căn cứ mục tiêu ưu tiên của CQN về chiến lược phát triển mặt hàng, ngành hàng;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 ;
- Căn cứ môi trường kinh doanh năm 2025 (Vĩ mô và địa phương ...Dự báo);
- Căn cứ tình hình và dự báo về khách hàng, thị trường và ngành hàng Cảng đang thực hiện;
- Căn cứ năng lực, khả năng và kế hoạch đầu tư của Cảng

b) Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD năm 2025

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	So sánh	
					Tuyệt đối	%
			1	*2*	*3=2-1*	*4=2/1*
I	**Chỉ tiêu SXKD**					
1	Sản lượng hàng hóa thông qua	Tấn	10.458.376	11.225.000	766.624	107,33%
2	Sản lượng hàng hóa xếp dỡ	Tấn	10.841.986	11.562.000	720.014	106,64%
3	Doanh thu khai thác cảng biển	Tỷ đồng	662	715,00	53	107,96%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	150	164,80	15	110,05%
II	**Chỉ tiêu lao động**					
1	Tổng số LĐBQ	Người	629	621	-8,00	98,73%
2	Thu nhập BQ lao động	Trđ/tháng	21,80	22,57	0,77	103,53%
III	**Cổ tức**				0	#DIV/0!
1	Cổ tức	%	10	10	0	100,00%

c) Kế hoạch đầu tư

❖ *Kế hoạch sửa chữa, đầu tư mua sắm thiết bị, công cụ năm 2025*

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Số lượng hạng mục	Giá trị dự kiến (đồng)
1	Vật tư dự phòng chiến lược cho các thiết bị	25	
1.1	*Vật tư đã có giá tham chiếu*	*14*	*9.772.998.600*
1.2	*Vật tư chưa có giá tham chiếu*	*11*	*0*
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên	53	13.546.000.000
3	Các hạng mục sửa chữa lớn	8	11.520.000.000
4	Các hạng mục đầu tư mới theo yêu cầu của sản xuất	3	15.730.000.000
4.1	*Xe nâng người 26m*	*1*	*3.500.000.000*
4.2	*Xe gạt (tương đương xe gạt D61)*	*4*	*9.230.000.000*
4.3	*Xe xúc Liugong ZL50CN*	*1*	*3.000.000.000*
5	Khác (nếu có)		
	Tổng cộng	**114**	**50.568.998.600**

❖ *Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2025*

TT	Tên dự án/hạng mục đầu tư	Số lượng	Giá trị (VND)
1	Các hạng mục đang thực hiện dở dang trong năm 2024 chuyển tiếp sang năm 2025	8	7.659.213.900
2	Các hạng mục bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2025	3	195.578.000
3	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa nhỏ năm 2025 (≤100 triệu đồng)	14	535.128.983
4	Các hạng mục nâng cấp sửa chữa lớn năm 2025 (>100 triệu đồng)	3	4.843.215.034
5	Các hạng mục phát sinh nằm ngoài kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2025, dự kiến thực hiện		1.100.000.000
6	Dự phòng bảo trì phát sinh (= 10% (2+3+4))		667.392.202
	Tổng		**15.000.528.119**

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024, kinh tế thế giới đã có sự phục hồi nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa; Kim ngạch xuất nhập khẩu và sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển Việt Nam tăng trưởng so với năm 2023. Tuy nhiên, tình hình kinh tế Việt Nam tiếp tục bị ảnh hưởng của lạm phát, chiến tranh, thị trường tiêu thụ siết chặt chi tiêu, điều này ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác cảng cũng như vận tải, logistics. Năm 2024, Cảng Quảng Ninh cũng bị ảnh hưởng khó khăn bởi các yếu tố trên nhưng vẫn đạt được một số hiệu quả nhất định:

+ Vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

+ Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tăng trưởng cao so với năm trước (xấp xỉ 30%).

+ Thu nhập của người lao động tăng 29,8%.

+ Trong năm đã tập trung vào công tác marketing, tăng thêm được khách hàng mới, mặt hàng mới.

+ Công tác bảo dưỡng, sửa chữa, đầu tư được chú trọng, đã góp phần mang lại hiệu quả tốt trong công tác khai thác tàu, tăng năng suất giải phóng tàu, giảm thiểu tình trạng ùn tắc phương tiện vận chuyển.

+ Công tác thu hồi công nợ được quan tâm, đẩy mạnh kiểm soát và đạt được kết quả hết sức khả quan, nợ xấu giảm, cơ cấu tuổi nợ hợp lý hơn.

+ Công ty đã và đang sắp xếp lao động hiệu quả.

+ Quy chế lương và các chính sách thưởng đã khuyến khích người lao động hăng say sản xuất và tăng năng suất lao động. Việc hoàn thành xây dựng quy định và tiêu chí đánh giá, bình bầu thi đua và phát động phong trào thi đua SXKD đã góp phần nâng cao hiệu quả làm việc trong toàn Công ty.

+ Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

HĐQT nhận thấy Ban TGĐ Công ty đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật.

Nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, ban hành các văn bản, tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, thực hiện vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban TGĐ và các quản lý cấp trung.

Ban TGĐ cũng đã tích cực, chủ động chỉ đạo và đồng hành cùng với bộ phận kinh doanh trong công tác tìm kiếm, chăm sóc khách hàng, giải quyết các kiến nghị của khách hàng và linh hoạt trong các thương vụ do đó đã có được các khách hàng trung thành cũng như có thêm các khách hàng mới đảm bảo cho Cảng phát triển ngày càng bền vững.

Tổng giám đốc đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và nâng cao hiệu quả kinh doanh khai thác Cảng.

Tất cả các vấn đề phát sinh bất thường trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều được Tổng giám đốc báo cáo ngay cho HĐQT để nắm rõ diễn biến tình hình và kịp thời có ý kiến chỉ đạo khi cần thiết.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Với vai trò là quản trị và định hướng chiến lược, HĐQT vẫn ưu tiên đồng thời hai việc là xây dựng và triển khai chiến lược phát triển với tầm nhìn xa, hiệu quả và bền vững, song song với kiểm soát, quản trị rủi ro, duy trì thành quả, bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư và các cổ đông.

HĐQT duy trì tổ chức các cuộc họp và thảo luận thường xuyên các vấn đề thuộc thẩm quyền và mang tính chiến lược đối với sự phát triển của CQN.

Tất cả các thành viên HĐQT đều phải tham gia tích cực vào hoạt động của HĐQT để nắm bắt, theo kịp các biến động của thị trường và hoạt động của công ty.

HĐQT chỉ đạo Ban TGĐ các nhiệm vụ sau:

- Tuân thủ và thực hiện tốt các mục tiêu chiến lược của Đại hội đồng cổ đông giao, các nhiệm vụ chỉ đạo của HĐQT, Chủ tịch HĐQT một cách cẩn trọng và hiệu quả.
- Điều hành và quản lý các hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty đảm bảo rằng mọi hoạt động diễn ra hiệu quả và tuân thủ quy trình và quy định công ty.
- Thường xuyên theo dõi và đánh giá các chỉ số kinh doanh để đưa ra các biện pháp cần thiết để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.
- Nắm bắt xu hướng thị trường và phân tích các yếu tố cạnh tranh để đưa ra các quyết định chiến lược phù hợp từng giai đoạn. Xem xét các yếu tố ngoại vi, dự báo tương lai và đưa ra các mục tiêu và kế hoạch phát triển cho công ty trong tương lai.
- Tích cực tham gia vào quá trình lập kế hoạch và định hướng phát triển dài hạn của công ty. Nghiên cứu, đề xuất mở rộng phát triển thị trường trong nước và ngoài nước, kết hợp với quy hoạch phát triển Cảng trung hạn và dài hạn.
- Tăng cường giám sát việc thu chi, quản lý nguồn vốn và đảm bảo rằng công ty tuân thủ các quy định tài chính. Không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh; nâng cao năng lực quản lý tài chính, phát triển an toàn, bền vững.
- Sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả, có kế hoạch đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
- Tiếp tục thể hiện vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì mối quan hệ với các bên liên quan như cổ đông, đối tác, khách hàng và cơ quan quản lý. Đặc biệt là khả năng tương tác để đáp ứng nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan.
- Thúc đẩy sáng tạo và tạo điều kiện cho sự đột phá trong công ty: Khuyến khích người lao động thể hiện ý tưởng mới, đề xuất các cải tiến và khai thác tiềm năng phát triển của công ty, đẩy mạnh phòng trào thi đua, đoàn kết,và nâng cao năng suất lao động toàn công ty.
- Xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, tạo môi trường làm việc năng động, nhiệt huyết và gắn bó trong nội bộ Công ty cũng như thu hút nguồn nhân lực tiềm năng trên thị trường nhân sự góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.
- Tiếp tục chuẩn hóa các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày theo hệ thống quy chế, quy trình đã ban hành đồng thời hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ còn thiếu.
- Tập trung đầu tư trang thiết bị phục vụ làm hàng để nâng cao năng lực xếp dỡ của Cảng. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng : tiếp tục hoàn thành các thủ tục xin phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, triển khai xây dựng dự án đã được phê duyệt chủ trương để đảm bảo hiệu quả lâu dài và ổn định.
- Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025 của Công ty.

- HĐQT tiếp tục theo sát diễn biến của nền kinh tế trong nước và thế giới, chủ động phân tích, nắm bắt tình hình để có những nhận định đúng đắn từ đó kịp thời đưa ra những quyết sách phù hợp nhằm chỉ đạo Ban TGĐ tổ chức thực hiện nhiệm vụ tốt nhất.

- HĐQT cam kết hỗ trợ, tư vấn cho Ban TGĐ việc tìm kiếm, tiếp cận và khai thác các nguồn lực từ bên ngoài, từ các đối tác, khách hàng của doanh nghiệp để mở rộng hoạt động kinh doanh, gia tăng khách hàng và phát triển sản phẩm.

V. QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị

HĐQT công ty hiện tại gồm 03 thành viên, nhiệm kỳ 5 năm, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông; có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

HĐQT theo phạm vi quyền và trách nhiệm quy định tại Điều lệ công ty đã họp định kỳ và bất thường hàng tháng, hàng quý để đánh giá kết quả đạt được trong quý, xử lý tồn tại và đưa ra định hướng hoạt động trong quý tiếp theo. HĐQT thường xuyên bám sát hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết sách phù hợp và kịp thời.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị:

TT		Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh quản lý tại các công ty khác
1	Ông	Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch Bổ nhiệm ngày 26/4/2024	0	TV HĐQT kiêm PTGĐ CTCP Tập đoàn T&T; Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ CTCP Liên hiệp và Xuất nhập khẩu Đầu tư Hà Nội; TV HĐQT CTCP Điện cơ Thống nhất; TV HĐQT CTCP hàng không lữ hành VN.
2	Ông	Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch Miễn nhiệm ngày 26/4/2024	0	TV HĐQT Tổng công ty Lương thực miền Nam Phó Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam;
3	Ông	Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên Miễn nhiệm ngày 03/10/2024	0	TV HĐQT CTCP đầu tư Cảng Cái Lân
4	Ông	Phạm Công Đoàn	Thành viên	58.369.435	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH điện mặt trời Trường Lộc; Chủ tịch HĐQT CTCP vận tải và Thương mại hàng không T&T.
5	Ông	Nguyễn Phú Quân	Thành viên Miễn nhiệm ngày 03/10/2024	0	
6	Ông	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên Miễn nhiệm ngày 03/10/2024	0	
7	Ông	Doãn Tuấn Anh	Thành viên Bổ nhiệm ngày 03/10/2024	0	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ công ty TNHH đầu tư và phát triển hạ tầng giao thông T&T

2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát có 3 người do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán tài chính. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban kiểm soát.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát của Công ty:

TT		Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết
1	Ông	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	0
2	Ông	Đỗ Quang Hưng	Thành viên Miễn nhiệm ngày 03/10/2024	0
3	Bà	Lương Thị Yến	Thành viên Miễn nhiệm ngày 03/10/2024	0
4	Bà	Phạm Thị Minh Huyền	Thành viên Bổ nhiệm ngày 03/10/2024	0
5	Ông	Phạm Văn Huy	Thành viên Bổ nhiệm ngày 03/10/2024	0

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.

Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật của Công ty trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban TGĐ năm 2043 cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Ban TGĐ trong năm 2024;

- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, BTGĐ về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đối với HĐQT và Ban TGĐ;

- Thực hiện các cuộc kiểm soát theo kế hoạch tại Công ty thông qua việc kiểm tra sổ, chứng từ kế toán, báo cáo và giải trình do đơn vị lập.

- Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính hàng quý của Công ty trước khi công bố thông tin theo quy định của pháp luật đối với công bố thông tin của công ty đại chúng.

- Đã đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính bán niên và cả năm 2024.

- Giám sát công tác kiểm toán và soát xét kết quả kiểm toán bán niên và cả năm 2024 do đơn vị kiểm toán độc lập phát hành.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

- Tổng số tiền thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 thông qua là 1.500.000.000 đồng

- Các thành viên Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính kế toán được nhận lương, thưởng theo quy định của Điều lệ, quy chế tiền lương và các quy chế quản lý của công ty.

TT		Họ và tên	Chức danh	Thu nhập (VNĐ)	Ghi chú
I		**Hội đồng quản trị**		**2.871.338.484**	
1	Ông	Nguyễn Ngọc Nghị	Chủ tịch	163.833.333	Bổ nhiệm ngày 26/4/2024
2	Ông	Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch	895.842.667	Miễn nhiệm ngày 26/4/2024
3	Ông	Phạm Công Đoàn	Thành viên	378.172.000	
4	Ông	Doãn Tuấn Anh	Thành viên	29.354.839	Bổ nhiệm ngày 03/10/2024
5	Ông	Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	627.512.742	Miễn nhiệm ngày 03/10/2024
6	Ông	Nguyễn Phú Quân	Thành viên	398.472.742	Miễn nhiệm ngày 03/10/2024
7	Ông	Nguyễn Trung Kiên	Thành viên	378.150.161	Miễn nhiệm ngày 03/10/2024
II		**Ban kiểm soát**		**971.605.000**	
1	Ông	Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban	408.731.000	
2	Bà	Phạm Thị Minh Huyền	Thành viên	26.419.355	Bổ nhiệm ngày 03/10/2024
3	Ông	Phạm Văn Huy	Thành viên	26.419.355	Bổ nhiệm ngày 03/10/2025
4	Ông	Đỗ Quang Hưng	Thành viên	344.085.645	Miễn nhiệm ngày 03/10/2024
5	Bà	Lương Thị Yến	Thành viên	165.949.645	Miễn nhiệm ngày 03/10/2025
III		**Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng/ TP TCKT**		**8.126.138.760**	
1	Ông	Hoàng Trọng Tùng	Tổng Giám đốc	2.557.923.865	
2	Ông	Quách Đình Phú	Phó TGĐ	1.660.538.721	
3	Ông	Nguyễn Văn Mạnh	Phó TGĐ	1.376.930.843	
4	Ông	Đinh Anh Tuấn	Phó TGĐ	1.625.093.689	
5	Ông	Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng	905.651.642	Miễn nhiệm ngày 01/12/2024
6	Ông	Vũ Mạnh Duy	Trưởng phòng TCKT	53.672.250	Bổ nhiệm ngày 01/12/2024

4. Các giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Không có

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan	Thông tin chung	Giao dịch		
				Căn cứ	Thời điểm	Số lượng, giá trị
1	CTCP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	MSDN: 0100106842 Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	NQ số 05/2024/NQ-HĐQT ngày 21/8/2024	Tháng 9/2024	357.750.000 VND Ký hợp đồng mua bánh trung thu
2	CTCP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	MSDN: 0100106842 Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	NQ số 13/2024/NQ-HĐQT ngày 28/11/2024	Tháng 12/2024	308.396.000 VND Ký hợp đồng mua dầu nhớn
3	CTCP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	MSDN: 0100106842 Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	NQ số 15/2024/NQ-HĐQT ngày 09/12/2024	Tháng 12/2024	494.309.060 VND cung cấp quà tết 2025 cho CBCNV
4	CTCP Liên hiệp Xuất nhập khẩu và đầu tư Hà Nội	Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT	MSDN: 0100106842 Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	NQ số 26/2024/NQ-HĐQT ngày 26/12/2024	Tháng 12/2024	465.403.000 VND cung cấp quà tri ân khách hàng tết 2025
5	CTCP đầu tư Cảng Cái Lân	CTCP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	MSDN: 5700688013 Ô số 32 Lô I K2 Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh		Năm 2024	4.853.867.619 VND dịch vụ bốc xếp
6	CTCP đầu tư Cảng Cái Lân	CTCP Cảng Quảng Ninh là nhà đầu tư chiến lược	MSDN: 5700688013 Ô số 32 Lô I K2 Khu dịch vụ hậu cần Cảng Cái Lân, Bãi Cháy, Hạ Long, Quảng Ninh		Năm 2024	107.210.628 VND dịch vụ bốc xúc, vận chuyển, thuê cont

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đang triển khai thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Quyết định số 18/2024/QĐ-HĐQT ngày 03/10/2024 và các quy định khác của pháp luật về quản trị công ty

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY

1. Ý kiến kiểm toán

"Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính"

Nguồn " BCTC 2024 CQN".

2. Báo cáo tài chính kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024 đã được công bố tại địa chỉ:

http://www.quangninhport.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Trọng Tùng